

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHÂU PHÚ
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 194/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 19/4/2021

V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU PHÚ**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Ngọc Điệp

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Đoàn Văn Hiến

Ông Lê Trung Thành

- Thư ký phiên tòa: Bà Ngô Thái Trân, Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân huyện Châu Phú, tỉnh An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Phú tham gia phiên tòa: Ông Huỳnh Hoàng Vũ – Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 4 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Phú, tỉnh An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 592/2020/TLST-HNGĐ ngày 02 tháng 11 năm 2020 về ly hôn, tranh chấp về nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 108/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 24/3/2021, giữa các đương sự:

-Nguyên đơn: Ông Nguyễn Văn A, sinh năm 1978; nơi cư trú: Tổ 10, ấp B, xã T, huyện Châu Phú, tỉnh An Giang, (có mặt)

-Bị đơn: Bà Lê Thị T, sinh năm 1981; nơi cư trú: Tổ 10, ấp B, xã T, huyện Châu Phú, tỉnh An Giang, (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

-Quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn ông Nguyễn Văn A trình bày:

Ông với bà Lê Thị T chung sống với nhau từ năm 2000, được cha mẹ hai bên tổ chức lễ cưới. Đến năm 2010 vợ chồng ông đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện P, tỉnh An Giang. Quá trình chung sống đến tháng 8 năm 2020 vợ chồng bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do lúc trước thời con trai chưa lấy vợ ông có quen người phụ nữ và có con nhưng người phụ nữ đó đã cho con người khác nuôi. Thời gian gần đây người phụ nữ đó về nhờ ông đi tìm gặp con nên vợ chồng ông phát sinh mâu thuẫn. Vì vợ ông không đồng ý cho ông đi tìm con rồi vợ ông ghen, thường xuyên cãi nhau. Sau đó vợ ông về nhà mẹ ruột ở. Vợ chồng cự cãi nên không làm ra tiền lo con đi học. Vợ chồng không nói chuyện với nhau, không ăn chung và không ngủ chung với nhau từ tháng 4 năm 2020 đến nay. Nay tình cảm vợ chồng không còn nên không thể hàn gắn được nên yêu cầu được ly hôn.

Về con chung: Có 02 con chung tên Nguyễn K, sinh ngày 09/5/2001 đã trưởng thành, tự lao động được và Nguyễn M, sinh ngày 28/6/2008 hiện đang sống với ông.

Ông yêu cầu được nuôi Nguyễn M cho đến trưởng thành, không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Quá trình giải quyết vụ án bị đơn bà Lê Thị T trình bày:*

Bà thống nhất về thời gian chung sống, đăng ký kết hôn và con chung như Ông M trình bày. Tháng 4 năm 2020 ông Nguyễn Văn A có người phụ nữ khác nên Ông M về ngủ riêng, ăn riêng, không nói chuyện với bà. Ông M không còn yêu thương bà nhưng bà vẫn còn yêu thương Ông M. Vợ chồng cự cãi nên phát sinh mâu thuẫn, Ông M không cho bà vào nhà, bà đã về nhà mẹ ruột ở một thời gian. Nay bà đã về nhà sống chung với con nhưng vợ chồng vẫn tiếp tục mâu thuẫn, cuộc sống không hạnh phúc. Ông Nguyễn Văn A muốn ly hôn thì bà đồng ý ly hôn nhưng với điều kiện Ông M cho bà tiếp tục được ở trong nhà.

Quá trình chung sống vợ chồng có hai con chung tên Nguyễn K, sinh ngày 09/5/2001 đã trưởng thành và Nguyễn M, sinh ngày 28/6/2008 hiện nay đang sống chung với Ông M. Nếu phải ly hôn Nguyễn M muốn được ở với ai thì đồng ý giao cho người đó.

Về tài sản chung và nợ chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Tại phiên tòa:*

Ông Nguyễn Văn A yêu cầu ly hôn với Bà T, yêu cầu được nuôi con chung Nguyễn M hiện đang sống với ông, không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung và nợ chung.

Bà Lê Thị T đồng ý ly hôn với Ông M nếu Ông M chia tài sản để bà nuôi con Nguyễn K và trả nợ cho chị của bà. Bà đồng ý giao con chung Nguyễn M cho Ông M nuôi dưỡng. Ông M và Bà T thống nhất Nguyễn K đã trưởng thành, có khả năng tự lao động.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Phú phát biểu quan điểm:

Hội đồng xét xử, Thẩm phán, Thư ký phiên tòa đã tuân theo đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Các đương sự đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình và có mặt tại phiên tòa.

Về nội dung:

Ông M với Bà T chung sống với nhau và có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Ông M khởi kiện yêu cầu ly hôn với Bà T, yêu cầu được nuôi con chung, không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con, không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung và nợ chung. Quá trình giải quyết vụ án, Bà T đồng ý ly hôn với Ông M nếu Ông M đồng ý cho bà tiếp tục ở trong nhà, đối với con chung Nguyễn M sinh năm 2008 muốn chung sống với ai thì bà đồng ý giao cho người đó nuôi, con chung Nguyễn K sinh năm 2001 đã thành niên tự lao động được, không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung và nợ chung. Tại phiên tòa, Bà T đồng ý ly hôn khi Ông M đồng ý chia tài sản chung và trả nợ cho chị của Bà T. Sau thời gian chung sống vợ chồng Ông M với Bà T đã phát sinh mâu thuẫn trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, Đề nghị Hội đồng xét xử cho ly hôn giữa Ông M với Bà T, giao con chung Nguyễn M cho Ông M trực tiếp nuôi là phù hợp với nguyện vọng của cháu My. Việc Bà T yêu cầu

liên quan đến tài sản chung là vượt quá phạm vi khởi kiện ban đầu nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng

[1.1] Ông Nguyễn Văn A khởi kiện yêu cầu ly hôn với bà Lê Thị T cư trú tại xã T, huyện Châu Phú, tỉnh An Giang và có yêu cầu về nuôi con chung sau ly hôn. Vì vậy, Tòa án nhân dân huyện Châu Phú thụ lý quan hệ tranh chấp là “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” và giải quyết vụ án là đúng theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự

[1.2] Tại phiên tòa, Bà T đồng ý ly hôn với Ông M nếu Ông M chia tài sản chung để bà nuôi con chung tên Nguyễn K và khi Ông M trả nợ cho chị của bà. Tuy nhiên, trong quá trình giải quyết vụ án Bà T không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung và nợ chung. Bà T không cung cấp được tài liệu, chứng cứ về tài sản chung và nợ chung và Tòa án chưa tiến hành thu thập tài liệu chứng cứ liên quan đến tài sản nên không thể xem xét giải quyết trong vụ án này. Bà T yêu cầu liên quan đến tài sản chung là vượt quá phạm vi khởi kiện ban đầu. Vì vậy, Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết giải quyết về tài sản chung trong vụ án. Nếu có tranh chấp, các đương sự có quyền khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung và nợ chung theo quy định của pháp luật bằng vụ án khác.

[2] Về nội dung vụ án

[2.1] Ông Nguyễn Văn A và bà Lê Thị T tự nguyện chung sống với nhau. Tại Giấy chứng nhận kết hôn số 97/2010 ngày 09/8/2010 của Ủy ban nhân dân xã Phú An, huyện Phú Tân, tỉnh An Giang thể hiện Ông M và Bà T đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã Phú An chứng nhận kết hôn. Vậy, Giữa ông Nguyễn Văn A và bà Lê Thị T có xác lập quan hệ vợ chồng.

Quá trình chung sống Ông M và Bà T phát sinh mâu thuẫn nên Ông M khởi kiện yêu cầu ly hôn. Ông M và Bà T có 02 con chung tên Nguyễn K, sinh ngày 09/5/2001 (đã thành niên, tự lao động được, không mắc bệnh tâm thần, không bị hạn chế năng lực hành vi) và Nguyễn M, sinh ngày 28/6/2008. Ông M yêu cầu được trực tiếp nuôi con chung Nguyễn M sau ly hôn. Bà T đồng ý theo nguyện vọng của cháu My.

[2.2] Tại Điều 19 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình; Vợ chồng có nghĩa vụ sống chung với nhau. Trong quá trình chung sống Ông M và Bà T đã phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng không quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau, không cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình, không chung sống với nhau. Tại phiên tòa, Bà T trình bày Ông M có người phụ nữ khác, đồng ý ly hôn với Ông M nhưng với điều kiện Ông M chia tài sản cho bà và trình bày cuộc sống hôn nhân không còn hạnh phúc và không thể kéo dài. Như vậy giữa Ông M và Bà T đã vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ của vợ chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Tòa án đã hòa giải nhưng không thành. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, chấp nhận yêu cầu ly hôn của anh Nguyễn Văn A.

[2.3] Ông M yêu cầu được nuôi con chung tên Nguyễn M, sinh ngày 28/6/2008 hiện đang sống chung với ông. Cháu Nguyễn M có nguyện vọng được tiếp tục sống chung với Ông M. Quá trình giải quyết vụ án Bà T trình bày cháu My muốn ở với ai thì giao cho người đó nuôi. Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 giao cháu My cho Ông M trực tiếp nuôi. Ông M không yêu cầu Bà T cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét. Trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức được pháp luật quy định thì Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và thay đổi về cấp dưỡng nuôi con chung.

[3] Về án phí: Do ông Nguyễn Văn A là nguyên đơn trong vụ án ly hôn nên phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 235 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ các điều 56, 81, 82, 83 và Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Xử:

Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa ông Nguyễn Văn A với bà Lê Thị Thoa.

Giấy chứng nhận kết hôn số 97/2010 ngày 09/8/2010 của Ủy ban nhân dân xã Phú An, huyện Phú Tân, tỉnh An Giang cấp cho ông Nguyễn Văn A và bà Lê Thị T không còn giá trị pháp lý khi bản án có hiệu lực pháp luật.

- Về con chung: Giao con chung tên Nguyễn M, sinh ngày 28/6/2008 (hiện đang do Ông M nuôi) cho ông Nguyễn Văn A trực tiếp nuôi.

Bà Lê Thị T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Trường hợp Bà Lê Thị T lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì ông Nguyễn Văn A có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của bà Lê Thị T.

Trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức được pháp luật quy định thì Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và thay đổi về cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung và nợ chung: Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Về án phí: Ông Nguyễn Văn A phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân sơ thẩm, được trừ 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số TU/2019/0003828 ngày 02 tháng 11 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Phú, tỉnh An Giang.

Thời hạn kháng cáo đối với bản án của ông Nguyễn Văn A và bà Lê Thị T là 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc

bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND huyện Châu Phú;
- Chi cục THADS huyện Châu Phú;
- TAND tỉnh An Giang;
- VKSND tỉnh An Giang;
- Cơ quan đã thực hiện việc đăng ký kết hôn;
- Lưu VP; hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Ngọc Diệp